

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh
trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ ngày 20 tháng 4 năm 2026.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/cáo);
- Sở GDĐT Đắk Lắk (để b/cáo);
- PHT phụ trách trường (để c/đạo);
- Các đơn vị (để t/hiện);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, ĐTBĐ.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Thị Thanh Hiền

QUY CHẾ

Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-CĐSPĐL ngày 14 /4/2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy chế này quy định về tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, bao gồm: Tuyển sinh theo hình thức đào tạo chính quy, đối tượng, phạm vi, phương thức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, nguyên tắc xét tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật trong công tác tuyển sinh.

b) Các quy định không có trong Quy chế này thì thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Căn cứ tình hình thực tế và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk quyết định việc điều chỉnh, bổ sung nội dung liên quan đến công tác tuyển sinh cho phù hợp.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Trường, người đăng ký xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Phạm vi tuyển sinh* là chương trình, ngành đào tạo (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo) và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. *Cổng Thông tin tuyển sinh* của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học.

3. *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung* của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

4. *Mã trường* trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh. Mã Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk là C40.

5. *Mã xét tuyển* là một mã quy ước định danh của một chương trình đào tạo sử dụng thống nhất trong Trường. Mã xét tuyển chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non là 51140201.

6. *Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông* là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hằng năm.

7. *Kỳ thi tuyển sinh* là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc kết hợp với các tiêu chí khác để xét tuyển.

8. *Kỳ thi độc lập* là kỳ thi được thiết kế và tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ xét tuyển độc lập hoặc xét tuyển kết hợp hoặc sử dụng làm điều kiện để xét tuyển.

9. *Kỳ thi bổ trợ* là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến; quy định quy trình tổ chức thi, đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và các điều kiện khác.

10. *Thi trực tiếp* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

11. *Thi trực tuyến* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

12. *Phương thức tuyển sinh* là việc Trường sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: Kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi bổ trợ để xét tuyển thí sinh.

13. *Quy đổi tương đương* là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là độ lệch điểm).

14. *Tiêu chí đánh giá* là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

15. *Tiêu chí xét tuyển* là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét tuyển) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

16. *Trọng số tính điểm xét* của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.

17. *Dự tuyển* là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.

18. *Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào* (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

19. *Điểm ưu tiên* là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.

20. *Xét tuyển* là quy trình xử lý riêng tại Trường hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo theo các tiêu chí xét tuyển do cơ sở đào tạo xác định căn cứ theo các quy định của Quy chế này.

21. *Xử lý nguyện vọng* là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

22. *Điểm trúng tuyển* của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

Chương II

TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Thí sinh quan tâm đến trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia dự tuyển;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới điều kiện đầu vào, trình độ, năng lực theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên dự tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Nhà trường tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa Nhà trường và các cơ sở đào tạo khác

a) Về hợp tác: Nhà trường và các cơ sở đào tạo khác trong cả nước hợp tác bình đẳng trong công tác xét tuyển nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Nhà trường cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong xét tuyển theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Nhà trường công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát (qua website, mạng xã hội của Trường quản lý);

b) Về trách nhiệm giải trình: Nhà trường chịu trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân (nếu có).

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo; tổ chức xét tuyển các nguyện vọng hợp lệ (từ nguyện vọng 01 đến nguyện vọng 05) của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào Nhà trường trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung đối với hình thức đào tạo chính quy.

3. Trường phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của Nhà trường và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 5. Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

- Mã trường tuyển sinh: C40.

- Tên ngành: Giáo dục Mầm non.

- Mã ngành/mã xét tuyển: 51140201.

- Tổ hợp môn xét tuyển:

+ Tổ hợp 1: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu 1

+ Tổ hợp 2: Ngữ văn, Năng khiếu 2, Năng khiếu 3

+ Tổ hợp 3: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu 1

+ Tổ hợp 4: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu 1

+ Tổ hợp 5: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu 1

Trong đó:

+ Năng khiếu 1: *Kể chuyện - Đọc diễn cảm, Hát - Nhạc* (Trung bình cộng kết quả thi của hai môn năng khiếu);

+ Năng khiếu 2: *Kể chuyện - Đọc diễn cảm*;

+ Năng khiếu 3: *Hát - Nhạc*.

Điều 6. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố

kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành Giáo dục Mầm non và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Nhà trường.

3. Trường quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

Điều 7. Phương thức tuyển sinh và nguồn tuyển

1. Nhà trường sử dụng 02 phương thức tuyển sinh không bao gồm xét tuyển thẳng, gồm: Phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi năng khiếu, phương thức sử dụng kết quả học tập THPT (lớp 10, 11, 12) với thi năng khiếu.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh phải quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét, điều kiện trúng tuyển trong đó:

a) Các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình đào tạo;

b) Phương thức xét tuyển không thể hiện được yêu cầu ở điểm a khoản này thì người dự tuyển phải có kết quả học tập tối thiểu 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn học phù hợp với yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

c) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;

d) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên quy định tại Điều 8 của Quy chế này).

3. Chương trình đào tạo có 02 phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển khác:

a) Nhà trường xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển.

4. Nhà trường chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý bảo đảm quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

Điều 8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm; khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm; khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo sử dụng phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc trung học nghề: Thí sinh phải đạt ngưỡng theo quy định hằng năm của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo sử dụng phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp: Thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào với kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề).

3. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm ngành Giáo dục Mầm non xếp loại trung bình trở lên được dự tuyển vào trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

4. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, nhà trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo.

Điều 10. Thủ tục đăng ký xét tuyển và thi năng khiếu

1. Thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu tại trường theo Thông báo được công khai tại website Trường: <https://dlc.edu.vn>.

a) Hồ sơ đăng ký

- Phiếu đăng ký xét tuyển và dự thi năng khiếu (theo mẫu tại Phụ lục III của Quy chế này).

- Bản sao có chứng thực Học bạ 3 năm cấp THPT.

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (tạm thời) hoặc bằng tốt nghiệp THPT.

- Bản sao có chứng thực căn cước công dân/căn cước và 2 ảnh 4x6 (không quá 6 tháng).

b) Lệ phí dự thi năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh/đợt thi.

2. Thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng đợt 1 trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hình thức đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường được quy định tại Điều 7 quy chế này.

3. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của nhà trường. Thời gian đăng ký xét tuyển đợt 1 theo kế hoạch xét tuyển chung của Bộ GDĐT quy định hằng năm.

4. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

5. Nhà trường chỉ xét tuyển đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo của Trường trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo kế

hoạch của Bộ GDĐT có thứ tự nguyện vọng từ 01 đến 05 (đối với hình thức đào tạo chính quy).

6. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn đơn vị tuyển sinh (mã trường: C40);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển: 51140201).

7. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí kỳ thi bổ trợ) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do Nhà trường quy định theo mức chung của Bộ GDĐT.

8. Các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) được Nhà trường thông báo công khai trên website Trường tại địa chỉ theo khoản 1 Điều này.

Điều 11. Tổ chức thi năng khiếu

1. Thời gian thi: Theo kế hoạch tuyển sinh của Trường và của Bộ GDĐT hướng dẫn đối với hình thức đào tạo chính quy.

2. Địa điểm thi: Tại cơ sở 1, Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 349 đường Lê Duẩn, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk.

3. Hình thức thi: Thực hành.

4. Nội dung thi năng khiếu gồm: Kể chuyện - Đọc diễn cảm, Hát - Nhạc; cụ thể như sau:

a) Phần thi Kể chuyện - Đọc diễn cảm

Thí sinh dự thi thực hiện theo yêu cầu đề thi của Trường. Mỗi đề thi gồm 02 câu (Câu 1: Đọc diễn cảm bài thơ/đoạn văn; Câu 2: Kể một câu chuyện).

Mỗi thí sinh bốc thăm 01 đề thi để đọc diễn cảm một bài thơ hoặc một đoạn văn xuôi hoặc một câu chuyện, truyện ngắn. Thí sinh bốc thăm xong có thời gian chuẩn bị 10 phút và thời gian trình bày không quá 05 phút/1 thí sinh.

Mỗi thí sinh được tự chọn và kể một câu chuyện, có độ dài vừa phải, không quá ngắn. Thể loại: Truyền thuyết, thần thoại, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện kể dành cho thiếu nhi với chủ đề: truyện kể có nội dung mang tính giáo dục, nhân văn; thời gian trình bày không quá 05 phút/1 thí sinh.

b) Phần thi Hát - Nhạc

Thí sinh dự thi hát một bài tự chọn (không có nhạc đệm). Thí sinh chỉ được chọn các bài hát trong danh mục cho phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tốt nhất nên chọn bài hát dành cho thiếu nhi. Thí sinh không hát các bài hát thuộc thể loại tuồng, chèo, cải lương.

Thời gian trình bày: Không quá 05 phút/1 thí sinh.

Điều 12. Các điều kiện bảo đảm công tác ra đề thi năng khiếu

1. Cán bộ ra đề thi bảo đảm về chất lượng chuyên môn:

Cán bộ ra đề thi có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt thực hiện ra đề thi năng khiếu, có trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành tương ứng, có thời gian giảng dạy từ 03 năm trở lên.

2. Điều kiện bảo đảm bảo mật, an toàn, khách quan:

Thực hiện theo đúng quy định về thành lập Ban Đề thi, về quy trình ra đề thi, in sao đề thi, bảo mật đề thi theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Điều 13. Ra đề thi năng khiếu

1. Ban Đề thi năng khiếu do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định thành lập.

2. Yêu cầu về nội dung đề thi, quy trình ra đề thi, bảo mật, bảo quản, sử dụng đề thi theo đúng Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành của Bộ GDĐT.

Điều 14. Chấm thi và phúc khảo bài thi

1. Hội đồng thi triển khai theo đúng Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành của Bộ GDĐT.

2. Quy trình chấm thi độc lập tại các phòng riêng biệt có sự giám sát của Giám sát chấm thi và Thanh tra thi tuyển sinh.

3. Điểm thi năng khiếu là trung bình chung điểm các nội dung thi được làm tròn 2 chữ số thập phân.

4. Kết quả thi của thí sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

5. Không tổ chức phúc khảo kết quả điểm thi năng khiếu, vì chấm thi theo đánh giá chuyên môn trực tiếp và mang tính biểu diễn nghệ thuật.

Điều 15. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

a) Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

- Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên.

b) Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng về Trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả không quá 36 tháng đối với người quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện thủ tục nhập học theo quy định của Nhà trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 16. Thông tin tuyển sinh

1. Hằng năm Trường xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh

để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn ngành đào tạo phù hợp với năng lực và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, ngành đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, đội ngũ nhà giáo, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỷ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp;

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với chương trình, ngành đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của tuyển sinh đợt 1 ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Chương III

XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH VI PHẠM QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

Điều 17. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh

Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định thành lập bộ phận hoặc cử viên chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình tổ chức tuyển sinh nhằm bảo đảm việc thực hiện theo đúng Quy chế hiện hành.

Điều 18. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:
 - a) Hội đồng tuyển sinh Trường;
 - b) Thanh tra tuyển sinh và Tổ Thanh tra Nhà trường.
2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.
3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:
 - a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật;
 - b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.
4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:
 - a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;
 - b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;
 - c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;
 - d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 19. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

Nhà trường sẽ giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo về Bộ GDĐT kết quả tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của năm tuyển sinh trước ngày 31/12.
2. Thông tin về tuyển sinh của Trường được cập nhật, đăng tải công khai trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT, website, mạng xã hội của Trường theo quy định.

Điều 21. Chế độ lưu trữ

1. Kết quả thi năng khiếu, hồ sơ tuyển sinh được lưu trữ theo quy định của Bộ GDĐT ban hành.
2. Các tài liệu khác liên quan đến công tác tuyển sinh, Nhà trường phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Khen thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Nhà trường khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 23. Xử lý cán bộ tuyển sinh và thí sinh dự thi vi phạm quy chế

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm Quy chế thi được xử lý theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.
2. Các trường hợp vi phạm về tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Quyết định ban hành.
2. Hội đồng thi tuyển sinh, Ban Thư ký Hội đồng thi năng khiếu, các đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện đúng quy định trong Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị phản ánh qua phòng Đào tạo - Bồi dưỡng để tổng hợp, trình Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

06	<p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên;</p> <p>c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p>
----	--

Phụ lục III
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀ DỰ THI NĂNG KHIẾU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀ DỰ THI NĂNG KHIẾU
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2026

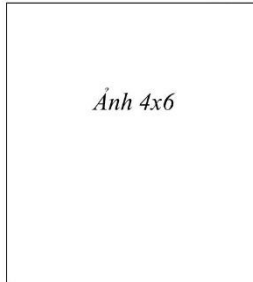
1. Họ và tên thí sinh:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh: Dân tộc:
4. Số báo danh kỳ thi THPT:
5. Căn cước công dân:
6. Hộ khẩu thường trú: Mã tỉnh:
7. Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn khu vực đó: KV1 KV2-NT KV2 KV3
8. Đối tượng ưu tiên (nếu có): 1 2 3 4 5 6 7
9. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:
10. Nơi học THPT hoặc tương đương:
- | | | |
|---------------|--|--|
| Lớp 10: | | |
| Lớp 11: | | |
| Lớp 12: | | |
- Mã tỉnh Mã trường
11. Xếp loại học lực năm lớp 12: Điểm xét tốt nghiệp THPT:
12. Thí sinh chọn phương thức xét tuyển/tổ hợp xét tuyển như sau:

Phương thức xét tuyển	
405	406
Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu	Kết hợp kết quả học tập cả năm lớp 12 với điểm thi năng khiếu
<input type="checkbox"/> M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu 1	<input type="checkbox"/> M02: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu 1
<input type="checkbox"/> M01: Ngữ văn, Năng khiếu 2, Năng khiếu 3	<input type="checkbox"/> M04: Ngữ văn, Năng khiếu 2, Năng khiếu 3
<input type="checkbox"/> M05: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu 1	<input type="checkbox"/> M06: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu 1
<input type="checkbox"/> M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu 1	<input type="checkbox"/> M08: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu 1
<input type="checkbox"/> M09: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu 1	<input type="checkbox"/> M10: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu 1

13. Địa chỉ nhận giấy báo trúng tuyển:
14. Điện thoại thí sinh: Điện thoại phụ huynh:

Tôi cam đoan những lời khai trong phiếu đăng ký này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Xác nhận của Trường THPT hoặc
Chính quyền địa phương**
(Ký tên và đóng dấu)



Ảnh 4x6

....., ngày tháng năm 2026
Chữ ký của thí sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)